

PHÂN TÍCH VẤN ĐỀ BẢN QUYỀN TRONG VIỆC XÂY DỰNG CÁC NGUỒN THÔNG TIN THỰC CỦA THƯ VIỆN SỐ

JIANG XIANGDONG. *Suzi tushuguan shiti xinxi ziyuan jianshe de banquan wenti fenxi, Zhongguo tushuguan xuebao* (shuangyuekan), 2004n., d. 5 q., d. 56 - 59 y.

VIỄN PHỐ
dịch

Phương thức xây dựng nguồn thông tin thực của thư viện số chủ yếu gồm 3 bộ phận lớn: số hoá các nguồn thông tin của thư viện truyền thống, mua các chế phẩm và cơ sở dữ liệu số hoá và download các nguồn thông tin trên mạng. Trong bài viết này tác giả bàn về vấn đề bản quyền trong việc xây dựng nguồn thông tin thực của thư viện số và đề xuất một số đối sách về vấn đề bản quyền.

Nguồn thông tin của thư viện số (gọi tắt là DL) gồm nguồn thông tin số thực và nguồn thông tin số ảo. Do số trang viết có hạn, bài này chỉ bàn về vấn đề bản quyền trong việc xây dựng nguồn thông tin thực của DL. Phương thức xây dựng nguồn thông tin thực của DL chủ yếu bao gồm: số hoá nguồn thông tin lưu trữ trong thư viện truyền thống, mua các chế phẩm và cơ sở dữ liệu số hoá và download các nguồn thông tin trên mạng. Nếu không giải quyết tốt các vấn đề bản quyền có liên quan, sẽ gây ra một loạt ảnh hưởng đối với công tác phục vụ thông tin số về sau, khiến cho ưu thế phục vụ thông tin của DL bị suy giảm. Do vậy chúng ta cần nghiên cứu nghiêm túc vấn đề này.

1. Vấn đề bản quyền trong việc số hoá các nguồn thông tin lưu trữ trong thư viện truyền thống và sách lược bản quyền

1.1 Tính chất pháp lý của hành vi số hoá các tác phẩm lưu trữ trong thư viện

Số hoá các tư liệu lưu trữ trong thư viện là hạt nhân của việc xây dựng các nguồn lưu trữ thực của thư viện số. Trong quá trình chuyển đổi thông tin tư liệu mô phỏng thành thông tin số, phải chăng thư viện có quyền tiến hành số hoá tài liệu lưu trữ trong thư viện? Phải chăng quyền số hoá là quyền riêng của người giữ bản quyền? Muốn giải quyết vấn đề trên, then chốt là định tính như thế nào hành vi số hoá các tác phẩm lưu trữ trong thư viện.

Về tính chất pháp lý của hành vi số hoá, giới thư viện học Trung Quốc có 3 quan điểm khác nhau. Quan điểm thứ nhất cho rằng số hoá tác phẩm là tác phẩm bị chuyển từ ngôn ngữ loài người thành ngôn ngữ máy móc, do đó là một thứ hành vi tương tự như “phiên dịch” (1); quan điểm thứ hai cho rằng, để xác định tính chất pháp lý của hành vi số hoá, cần nắm yêu cầu của luật bản quyền đối với tác phẩm cấu thành bản quyền, chủ trương khi số hoá toàn văn hoặc phần lớn tác phẩm của người giữ bản quyền thì bản quyền của nó vẫn thuộc về người giữ bản quyền gốc, nếu dùng một phần nội dung của nó làm tài liệu gốc để vận dụng vào một tác phẩm số hoá mới thì cần căn cứ vào tỷ lệ của tác phẩm gốc được dùng trong tác phẩm số hoá để quyết định (2); quan điểm thứ ba cho rằng, hành vi số hoá tác phẩm là hành vi phục chế (3).

Quan điểm thứ nhất ít nhất có vấn đề về mặt pháp lý, bởi vì việc số hoá tác phẩm không đạt đến yêu cầu tái sáng tạo để cấu thành tác phẩm “phiên dịch”, tác phẩm đã được số hoá hoàn toàn tương đồng với nội dung tác phẩm gốc, không có nhân tố tái sáng tạo. Quan điểm thứ hai tuy mới mẻ, nhưng đã lẫn lộn 2 khái niệm khác nhau là quyền số hoá và quyền biên soạn. Quan điểm thứ ba được thực tiễn lập pháp và tư pháp trong, ngoài nước tiếp nhận. Hiện nay có các công ước quốc tế và văn bản luật pháp trong nước chủ yếu sau đây định tính hành vi số hoá tư liệu là hành vi phục chế: Tuyên bố về các nghị định tương quan trong 2 công ước WCT và WPPT của WIPO, Chỉ thị số EC2001/29 của Liên minh châu Âu, cách diễn đạt tại Điều 10 (5) *Luật về quyền trước tác* của Trung Quốc về phương thức phục chế. Do vậy hành vi số hoá tư liệu lưu trữ trong thư viện là hành vi phục chế điển hình. Do quyền phục chế là điều kiện tiên đề để tác giả thực hiện các quyền rộng rãi về bản quyền của mình, nên ở mức độ rất lớn, việc bảo hộ bản quyền cần làm cho hành vi phục chế, vốn là hành vi có thể tràn lan,

được kiểm soát một cách hữu hiệu. Sự phát triển của kỹ thuật số khiến có thể số hoá dường như tất cả các loại hình tác phẩm, nếu hành vi số hoá không chịu sự điều chỉnh của luật bản quyền, không trở thành quyền riêng của người giữ quyền, thì chế độ bản quyền hiện hành sẽ chẳng có ý nghĩa gì.

1.2 Sách lược bản quyền trong việc số hoá các tác phẩm lưu trữ trong thư viện

Hành vi số hoá đã thuộc về hành vi phục chế, mà quyền phục chế lại là quyền riêng của người giữ bản quyền, vậy phải chăng khi tiến hành số hoá các tác phẩm lưu trữ trong thư viện, thư viện đều cần được người giữ bản quyền cho phép? Để xác định điều này, cần căn cứ vào trạng thái bản quyền của tác phẩm và phương thức sử dụng tác phẩm.

1.2.1 Tác phẩm được đưa vào lĩnh vực công hữu

Tôn chỉ lập pháp của chế độ bản quyền hiện đại là khuyến khích và bảo hộ việc sáng tác và truyền bá tác phẩm, mục tiêu cuối cùng của nó là vì lợi ích chung của xã hội, dù rằng phương thức thực hiện điều đó là thông qua việc tăng cường lợi ích của người giữ bản quyền, nhưng điều đó không có nghĩa là quyền riêng của người giữ bản quyền là tuyệt đối và vô hạn, không thể sẽ cản trở và gò bó sự tiến bộ và phồn vinh của khoa học kỹ thuật và văn hoá. Do vậy các nước trên thế giới đều tiến hành hạn chế đối với bản quyền, một trong những biện pháp để hạn chế là quy định thời hạn bản quyền. Thời hạn bản quyền là giới hạn thời gian mà bản quyền được pháp luật bảo hộ, tác phẩm trong thời hạn bảo hộ sẽ được bảo hộ bản quyền, tác phẩm ngoài thời hạn bảo hộ sẽ được đưa vào lĩnh vực công hữu, bất kỳ ai cũng đều có thể sử dụng miễn phí. Nhưng điều cần đặc biệt nhấn mạnh là, tuy tác phẩm được đưa vào lĩnh vực công hữu, nhưng quyền nhân thân (trừ quyền công bố), tức là quyền tinh thần của tác giả của nó thì không chịu sự hạn chế của thời hạn bảo

hộ. Quyền ký tên, quyền sửa chữa và quyền bảo vệ sự hoàn chỉnh của tác phẩm của người giữ bản quyền vẫn được luật bản quyền bảo hộ, khi tiến hành số hoá các tác phẩm có bản quyền đã được đưa vào lĩnh vực công hữu, thư viện không được xâm phạm các quyền trên của người giữ bản quyền. Hiện nay ở Trung Quốc có DL đưa lên mạng rất nhiều ảnh cũ không ký tên (4), đó là sự xâm phạm quyền tinh thần của tác giả, cách làm này cần hết sức tránh.

1.2.2 Tác phẩm không được bảo hộ bản quyền

Có một số tác phẩm tuy có đủ điều kiện bảo hộ bản quyền nhưng vì lợi ích chung của xã hội, chúng bị gạt ra ngoài hệ thống bảo hộ bản quyền; có một số tác phẩm thì do tính duy nhất của hình thức biểu đạt nên không có tính sáng tạo độc đáo, không được bảo hộ bản quyền. Có 3 loại tác phẩm mà *Luật về quyền trước tác* của Trung Quốc không bảo hộ vì tình hình nói trên:

1) Pháp luật, pháp quy, nghị quyết, quyết định, mệnh lệnh và các văn kiện khác có tính chất lập pháp, hành chính, tư pháp của cơ quan nhà nước và các bản dịch quan phương chính thức.

2) Tin tức thời sự. Điều 5 (1) *Điều lệ thực thi Luật về quyền trước tác* mới năm 2002 của Trung Quốc quy định: “Tin tức thời sự là những thông tin thực tế đơn thuần được loan truyền qua các phương tiện truyền thông như báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình...”. Nếu trong tin tức có bao gồm phần phân tích và bình luận của nhà báo thì loại tin tức này được bảo hộ bản quyền.

3) Lịch, biểu số thông dụng, biểu mẫu thông dụng và công thức.

Do luật về quyền trước tác không bảo hộ những tác phẩm nói trên nên thư viện có thể tiến hành xử lý số hoá đối với loại tác phẩm này và cung cấp dịch vụ truyền bá trên mạng, ở Trung Quốc có không ít

DL xây dựng “Cơ sở dữ liệu pháp luật pháp quy”, “Cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn kỹ thuật”... Khi tiến hành số hoá các tài liệu thuộc loại tiêu chuẩn kỹ thuật, DL cần đặc biệt chú ý đến trạng thái quyền kinh doanh xuất bản riêng của chúng. Lấy tiêu chuẩn nhà nước làm thí dụ, hoàn toàn không phải tất cả các tiêu chuẩn nhà nước do các cơ quan, tổ chức quản lý tiêu chuẩn hoá nhà nước chế định đều thuộc loại tài liệu pháp quy và đều không được luật bản quyền bảo hộ. Nói chung, tiêu chuẩn nhà nước có thể được chia thành 2 loại: tiêu chuẩn có tính cưỡng chế và tiêu chuẩn có tính khuyến nghị. Tiêu chuẩn có tính cưỡng chế là tiêu chuẩn đòi hỏi doanh nghiệp nhất thiết phải chấp hành trong sản xuất, thi công và chịu sự giám sát thực thi của cơ quan quản lý tiêu chuẩn hoá, là quy phạm kỹ thuật có tính chất pháp quy, do đó không được luật bản quyền bảo hộ. Tiêu chuẩn có tính khuyến nghị thuộc về quy phạm kỹ thuật tự nguyện áp dụng, hoàn toàn không mang tính chất pháp quy, nếu trong quá trình chế định loại tiêu chuẩn này cần bỏ ra lao động có tính sáng tạo, phù hợp với những điều kiện cần thiết để cấu thành tác phẩm được luật bản quyền quy định, thì loại tiêu chuẩn này được luật bản quyền bảo hộ. Trong vụ tranh chấp bản quyền mà Viện Nghiên cứu Thiết kế Tiêu chuẩn Xây dựng Trung Quốc kiện Công ty Xuất bản Điện tử Yinguan Bắc Kinh, bên nguyên là người chế định tiêu chuẩn thiết kế xây dựng nhà nước. Năm 2000, bên bị đã đưa tập biểu đồ tổng quát về tiêu chuẩn thiết kế xây dựng nhà nước về nước, điện, nhiệt do bên nguyên biên soạn vào đĩa quang mà mình chế tác và xuất bản phát hành dưới hình thức xuất bản phẩm điện tử, bên nguyên kiện bên bị xâm phạm bản quyền của mình. Tòa án nhân dân trung cấp số 1 thành phố Bắc Kinh cho rằng, tiêu chuẩn kỹ thuật mà bên nguyên đứng quyền tuy

do cơ quan hành chính nhà nước ban hành dưới hình thức tài liệu, nhưng thuộc về tiêu chuẩn có tính chỉ đạo kỹ thuật, là tiêu chuẩn có tính khuyến nghị, trong quá trình chế định tiêu chuẩn này, người chế định đã phải bỏ ra lao động có tính sáng tạo, nên nó phù hợp với những điều kiện cần thiết để cấu thành tác phẩm, thuộc phạm vi bảo hộ của luật về quyền trước tác, do đó bên bị đã xâm phạm quyền phục chế và quyền phát hành của bên nguyên, toà tuyên bên bị phải bồi thường cho bên nguyên khoản thiệt hại kinh tế là 120.000 NDT (5).

Còn cần chỉ ra rằng, tiêu chuẩn có tính cưỡng chế nhà nước tuy không được luật bản quyền bảo hộ, nhưng cũng không có nghĩa là bất cứ ai cũng có thể tùy tiện truyền bá. Thông thường, để bảo đảm cho những tiêu chuẩn này được ban bố và thực thi đúng đắn, cơ quan quản lý tiêu chuẩn hoá sẽ căn cứ vào chức năng và quyền hạn, trao quyền xuất bản chúng cho cơ quan xuất bản được chỉ định. Ngày 18 tháng 8 năm 1997, Cục Giám sát Kỹ thuật Nhà nước và Vụ Báo chí Xuất bản nhà nước đã liên hợp công bố *Biện pháp quản lý việc xuất bản tiêu chuẩn*, quy định “tiêu chuẩn phải do đơn vị xuất bản chính thức, được ngành hành chính xuất bản Quốc vụ viện phê chuẩn xuất bản, tiêu chuẩn nhà nước do Nhà xuất bản Tiêu chuẩn Nhà nước xuất bản”. Tháng 6 năm 1999, Toà án Nhân dân Tối cao Trung Quốc, trong công văn trưng cầu ý kiến gửi Cục Bản quyền Nhà nước Trung Quốc, cho rằng, “để bảo đảm công bố và thực thi đúng đắn tiêu chuẩn, ngành quản lý tiêu chuẩn hoá căn cứ theo chức năng quyền hạn trao quyền xuất bản tiêu chuẩn có tính cưỡng chế cho Nhà xuất bản Tiêu chuẩn Trung Quốc, đây vừa là một sự xác nhận tư cách kinh doanh, loại trừ tư cách xuất bản của các đơn vị xuất bản khác, đồng thời dường như cũng nên coi đây là một sự cấp phép độc quyền kinh doanh dân sự”. Trong công văn trả lời, Cục Bản quyền Nhà nước cho

rằng “tư cách xuất bản này là một thứ quyền hành chính mang tính chất đặc biệt, chứ không phải là quyền dân sự mang tính chất quyền trước tác” (6). Điều đó cho thấy trong hoạt động xuất bản, phổ biến tiêu chuẩn nhà nước, Nhà Xuất bản Tiêu chuẩn Trung Quốc được phép độc quyền kinh doanh xuất bản, đây là quyền bắt nguồn từ quyền hành chính, người khác phổ biến những tiêu chuẩn nhà nước có tính cưỡng chế này tuy không xâm phạm bản quyền, nhưng xâm hại đến độc quyền kinh doanh xuất bản mà quyền hành chính trao cho nó, đây là tình hình đặc biệt của Trung Quốc trong quá trình chuyển từ kinh tế kế hoạch sang kinh tế thị trường. Muốn tiến hành xử lý và truyền bá loại văn bản này, DL cần được nhà xuất bản này cho phép.

1.2.3 Những tác phẩm còn trong thời hạn bảo hộ

Do hành vi số hoá là một trong những phương thức phục chế, mà quyền phục chế lại là một thứ quyền riêng của người giữ bản quyền, nên nếu chưa được người giữ bản quyền cho phép mà tự ý tiến hành xử lý số hoá tác phẩm của người khác thì phải chịu trách nhiệm tương ứng về xâm phạm quyền. Nhưng quyền số hoá đã thuộc quyền phục chế thì tất nhiên nó là một thứ quyền hạn chế, không thể là quyền tuyệt đối, do đó thư viện hoàn toàn có thể chiếu theo quy định “Thư viện, nhà lưu trữ, nhà lưu niệm, bảo tàng, cung mỹ thuật, vì nhu cầu trưng bày hay bảo tồn nguyên bản, phục chế các tác phẩm mà mình sưu tập được” tại Điều 22 (8) *Luật về quyền trước tác* mới, không cần được người giữ bản quyền đồng ý, cũng không cần trả phí, yên tâm mạnh dạn tiến hành công tác số hoá các tài liệu lưu trữ, nhưng mục đích của việc số hoá chỉ có thể là vì “nhu cầu trưng bày và bảo tồn nguyên bản”, không được cung cấp dịch vụ trên mạng, bằng không sẽ xâm phạm “quyền truyền bá thông tin trên mạng” của người giữ bản quyền. Vấn đề là thư viện có thể dùng phương thức “sử dụng hợp lý” để cung cấp dịch vụ đọc bản

phục chế số hoá cho độc giả trên mạng cục bộ trong thư viện hay không? Tác giả cho rằng *Luật về quyền trước tác* của Trung Quốc tuy không trao cho thư viện đặc quyền này, nhưng phương thức sử dụng này sẽ không dẫn đến tranh chấp bản quyền. Nhìn vào xu hướng lập pháp bản quyền số ở nước ngoài, thì phương thức sử dụng này thuộc phạm trù “sử dụng hợp lý”. Thí dụ Điều 404 *Luật bản quyền số nghìn năm* năm 1998 của Mỹ quy định cho phép thư viện dùng phương thức “sử dụng hợp lý” để chế tác 3 loại phục chế phẩm lưu trữ trong thư viện, trong đó bao gồm bản phục chế số, nhưng không được đem bản phục chế số truyền bá cho công chúng ngoài toà nhà thư viện. Điều đó có nghĩa là thư viện có thể cung cấp dịch vụ đọc bản phục chế số cho độc giả trên mạng cục bộ hoặc trên các máy lẻ trong thư viện. *Bản sửa đổi Luật về quyền trước tác* của Hàn Quốc năm 2001 quy định, thư viện có thể không cần xin phép người giữ bản quyền, cho phép người sử dụng của thư viện mình đọc các tác phẩm có bản quyền qua màn hình máy vi tính, nhưng không cho phép download và in ấn (7). Nếu DL cung cấp dịch vụ thông tin qua mạng rộng ngoài mạng cục bộ dưới hình thức thu phí thì cần được tác giả và nhà xuất bản cùng cho phép, không thế sẽ xâm phạm quyền truyền bá thông tin trên mạng của họ.

Trực tiếp mua chế phẩm và cơ sở dữ liệu số hoá là biện pháp quan trọng để xây dựng nguồn lưu trữ thực của DL. Về hình thái nội dung, có thể chia chế phẩm số hoá làm 2 loại lớn là sách điện tử và chế phẩm nghe nhìn.

Hiện nay việc xuất bản sách điện tử đang phát triển mạnh. Năm 2003, trên 150 nhà xuất bản, thư viện, công ty máy tính và website đã tự phát tổ chức Liên minh bảo hộ bản quyền số và eBook Trung Quốc, trong 1- 2 năm tới, thông qua nỗ lực chung của các thành viên liên minh, trên internet, số sách điện tử chính bản có thể cung cấp cho độc giả download sẽ đạt 50.000 bản (8). vào đầu năm 2002, Tập

đoàn xuất bản Liaoning, trên “mạng sách điện tử Trung Quốc”, nơi nó chuyên kinh doanh sách điện tử, bắt đầu cung cấp loạt đầu 5.000 loại sách điện tử, dự tính trong một thời gian ngắn lượng cung cấp có thể đạt tới 25.000 loại (9). Thị trường sách điện tử Đài Loan cũng rất sôi động, lượng tiêu thụ hàng tháng của mạng Hoa văn đạt tới 2.000.000 bản (10). Một số nhà xuất bản nổi tiếng ở nước ngoài như McGraw Hill, MacMillan Pub., Random House, St. Marper Collins đều đặt chân vào lĩnh vực xuất bản sách điện tử. Việc DL trực tiếp mua sách điện tử để đưa vào lưu trữ trong thư viện không những có thể bớt được khoản kinh phí đầu tư để chuyển đổi số hoá mà còn có thể tránh được tranh chấp bản quyền. Đương nhiên trong tình hình hiện nay khi chủng loại sách điện tử còn chưa thật phong phú, đây chỉ là một phương thức không chủ đạo để bổ sung nguồn lưu trữ cho thư viện số. Vì một bản sao sách điện tử chỉ có thể cung cấp cho một độc giả sử dụng, khi mua cần chú ý vấn đề số bản sao. Khi cung cấp dịch vụ sách điện tử cho người dùng, DL cần tuân thủ hợp đồng đã ký với nhà kinh doanh xuất bản, làm tốt công tác bảo hộ bản quyền số, đồng thời cũng cần cố gắng bảo vệ lợi ích của mình, trong điều khoản hợp đồng mua, cần ghi rõ cho phép thư viện có quyền căn cứ theo quy định về “sử dụng hợp lý” tại Điều 22 (8) *Luật về quyền trước tác* để phục chế ít nhất 1 bản sao nhằm mục đích bảo tồn nguyên bản, và quy định rõ về phương thức sử dụng và phạm vi truyền bá sách điện tử. Ngoài ra, sách điện tử mua về có thể bảo tồn trong máy phục vụ của nhà kinh doanh sách, cũng có thể bảo tồn trong máy phục vụ của DL, nhưng bảo tồn trong máy phục vụ của nhà kinh doanh sách có rủi ro nhất định, một khi website của nhà kinh doanh sách phá sản, lợi ích của thư viện sẽ bị tổn thất.

Về việc mua các chế phẩm nghe nhìn, thư viện các cấp, các loại ở Trung Quốc phần nhiều đều mở dịch vụ nghe nhìn dưới hình thức cho thuê có trả phí, thư

viện một số trường cao đẳng còn đưa chế phẩm nghe nhìn lên mạng, cung cấp cho độc giả nghe, xem và download trên mạng trong trường (11), một số thư viện xã và thị trấn còn cho thuê các chế phẩm nghe nhìn, lấy đó làm một nguồn thu chủ yếu (12). Tác giả cho rằng, sau khi ban bố *Luật về quyền trước tác* mới, các thư viện cần cẩn thận khi triển khai dịch vụ cho thuê chế phẩm nghe nhìn. Trước hết, *Luật về quyền trước tác* mới của Trung Quốc đã trao cho người giữ bản quyền quyền cho thuê chế phẩm nghe nhìn, Điều 10 (7) luật này quy định: “Quyền cho thuê tức là quyền cho phép (có thu phí) người khác tạm thời sử dụng các tác phẩm điện ảnh và các tác phẩm được sáng tác bằng phương thức tương tự như sáng tác điện ảnh, phần mềm máy tính”. Điều 41 (1) còn quy định: “Đối với các chế phẩm nghe nhìn do mình chế tác, người chế tác có quyền cho phép người khác phục chế, phát hành, cho thuê, truyền bá cho công chúng qua mạng thông tin và hưởng thù lao”. Do Điều 22, 23 thuộc Tiết 4 “Những hạn chế đối với quyền” trong *Luật về quyền trước tác* mới, theo yêu cầu “toàn thể thành viên đều cần giới hạn những hạn chế hoặc lệ ngoại của quyền riêng vào một trường hợp đặc biệt nhất định” mà Điều 13 của TRIPS (*Hiệp nghị quyền sở hữu trí thức liên quan đến thương mại*) quy định, rõ ràng không thể giải thích mở rộng các điều khoản liên quan đến sự hạn chế quyền^(*). Thứ hai, Điều 21 *Điều lệ thực thi Luật về quyền trước tác* mới do Quốc vụ viện Trung Quốc công bố ngày 2 tháng 8 năm 2002 quy định: “Theo những quy định hữu quan của *Luật về quyền trước tác*, việc sử dụng tác phẩm đã công bố và có thể không cần người giữ quyền trước tác đồng ý, không được làm ảnh hưởng đến việc sử dụng bình thường tác phẩm này, cũng không được làm tổn hại một cách không hợp lý tới lợi ích hợp pháp của người giữ quyền trước tác”. Sở dĩ quy định này là quan trọng

không chỉ vì nó là nguyên tắc quan trọng mà WTO quy định, mà còn vì sau này bất cứ đơn vị và cá nhân nào khi sử dụng tác phẩm của người khác đều không thể vi phạm quy định này. Thứ ba, Điều 5 *Điều lệ quản lý chế phẩm nghe nhìn* mới do Quốc vụ viện Trung Quốc ban bố, bắt đầu thực hiện từ ngày 1 tháng 2 năm 2002, quy định: “Nhà nước thực hiện chế độ cấp phép đối với... việc cho thuê chế phẩm nghe nhìn; chưa được phép, bất kỳ đơn vị và cá nhân nào đều không được tiến hành các hoạt động... cho thuê chế phẩm nghe nhìn”.

Do vậy, dịch vụ cho thuê nghe nhìn của thư viện không thuộc về phạm trù pháp luật “sử dụng hợp lý”. Để tránh tranh chấp bản quyền, khi triển khai dịch vụ nghe nhìn, thư viện có thể áp dụng 2 đối sách: một là mượn đọc miễn phí, hai là sau khi trả phí sử dụng bản quyền cho cơ quan quản lý tập thể về bản quyền, tiếp tục triển khai dịch vụ cho thuê. So ra, cách làm thứ hai hay hơn, hơn nữa đã thành thông lệ ở nước ngoài. Chẳng hạn, Điều 6, Điều 8 Phụ lục 7 *Luật bản quyền, quyền thiết kế và quyền sáng chế* năm 1988 của Anh quy định, khi cho mượn chế phẩm nghe nhìn, phần mềm máy tính, thư viện cần được phép của người giữ quyền [13]; trong *Thông tri về một số sửa đổi Luật về quyền trước tác và Lệnh thi hành Luật về quyền trước tác* do Bộ Văn hoá Nhật Bản ban bố năm 1984 có quy định, khi thư viện công cộng mượn bản phục chế các tác phẩm phim nhựa, băng đĩa hình từ bên ngoài, có thể không cần xin phép người giữ quyền trước tác, nhưng cần trả một khoản phí nhất định cho người giữ quyền, hơn nữa tư liệu nghe nhìn mượn từ bên ngoài chỉ giới hạn ở những tư liệu phù hợp với mục đích giáo dục nhà trường, giáo dục xã hội, không được mượn từ bên ngoài bản phục chế các tác phẩm nghe nhìn mang tính giải trí có khuynh hướng cạnh tranh với việc công chiếu tại rạp, bán trên thị trường, cho thuê thương mại (14); Thư viện thuộc Trung tâm Văn hoá Pompidu

(*) Câu không rõ nghĩa (ND)

Pháp giải quyết vấn đề bản quyền trong việc mượn các tư liệu nghe nhìn từ bên ngoài bằng cách trả phí sử dụng cho cơ quan quản lý bản quyền (15).

Về việc mua cơ sở dữ liệu, nói chung thư viện không có quyền sở hữu, chỉ có quyền sử dụng, phương thức sử dụng và phạm vi sử dụng cơ sở dữ liệu có hợp pháp hay không, vừa do các quy định hữu quan của luật bản quyền quyết định, vừa do các quy định của luật hợp đồng quyết định. Do việc mua quyền sử dụng cơ sở dữ liệu chủ yếu thực hiện thông qua việc ký hợp đồng, nên muốn đề phòng nhà kinh doanh việc chế tác cơ sở dữ liệu tước đoạt quyền sử dụng hợp pháp của độc giả qua hợp đồng thì các điều khoản về sử dụng hợp lý được quy định trong luật bản quyền cần được thể hiện đầy đủ trong hợp đồng. Hiện nay, một số cơ sở dữ liệu liên tục xảy ra tranh chấp bản quyền, có cơ sở dữ liệu toàn văn nổi tiếng Trung Quốc có lần bị Cục Xuất bản Báo chí Nhà nước và Cục Bản quyền Nhà nước Trung Quốc tuyên bố là xuất bản phẩm phi pháp (16), khiến thư viện sử dụng sản phẩm này cũng đứng trước nguy cơ bị ngành quản lý hành chính về bản quyền kiểm tra niêm phong. Do vậy để bảo vệ lợi ích của chính DL, khi mua quyền sử dụng cơ sở dữ liệu, DL cần yêu cầu nhà kinh doanh việc chế tác cơ sở dữ liệu thêm các điều khoản kèm theo vào hợp đồng, quy định rõ một khi cơ sở dữ liệu nảy sinh vấn đề xâm phạm quyền dẫn đến việc người giữ bản quyền đòi bồi thường, hoặc do vấn đề bản quyền mà cơ sở dữ liệu bị ngành quản lý hành chính về bản quyền kiểm tra niêm phong thì mọi trách nhiệm pháp luật và kinh tế đều do nhà kinh doanh việc chế tác cơ sở dữ liệu chịu.

2. Vấn đề bản quyền trong việc download các nguồn thông tin ảo

Biến nguồn thông tin trên mạng thành nguồn lưu trữ trong thư viện là một trong những phương pháp quan trọng để

xây dựng nguồn thông tin của DL, có người chủ trương thông qua nhiều lần download các nguồn trên mạng để xây dựng cơ sở dữ liệu ảo của thư viện mình (17), hoặc copy những thông tin có giá trị nhất trên mạng, chuyển vào máy phục vụ của thư viện mình, xây dựng các kính tượng trạm điểm (18); có người thậm chí chủ trương, các cơ quan thông tin sách có thể khai thác các thông tin nhận được qua mạng, làm thành sách điện tử hoặc ấn phẩm để tham gia phát triển thị trường xuất bản phẩm điện tử (19). Trong thực tế, có một số thư viện các trường cao đẳng đã bắt đầu download một cách có kế hoạch nguồn thông tin trên mạng có giá trị tham khảo đối với việc giảng dạy và nghiên cứu, biến nó thành một bộ phận hợp thành quan trọng của cơ sở dữ liệu mang đặc sắc thư viện mình (20). Nhưng hành vi download là hành vi phục chế, chưa được phép của người giữ bản quyền, bất kỳ ai, bất kỳ cơ quan nào cũng không được tự ý phục chế. Đồng thời, dù khống chế những thông tin download này để chỉ sử dụng trong phạm vi mạng cục bộ của thư viện hay của trường cũng không phù hợp với những điều kiện cần thiết để cấu thành việc “sử dụng hợp lý”. Điều 21 *Điều lệ thực thi Luật về quyền trước tác* của Trung Quốc quy định: “Chiếu theo những quy định hữu quan của Luật về quyền trước tác, việc sử dụng các tác phẩm đã công bố và có thể không cần được người giữ quyền trước tác cho phép không được ảnh hưởng đến việc sử dụng bình thường các tác phẩm này, cũng không được làm tổn hại một cách không hợp lý tới lợi ích hợp pháp của người giữ quyền trước tác”. Nếu chế tác các tác phẩm download thành xuất bản phẩm điện tử hay ấn phẩm rồi tung ra thị trường thì đó rõ ràng là hành vi xâm phạm quyền, đồng thời với việc xâm phạm quyền phục chế của người giữ bản quyền, việc đó còn xâm phạm quyền phát hành

của người giữ bản quyền. Do vậy, chưa được người giữ bản quyền cho phép, DL không được download thông tin trên mạng vào máy phục vụ của thư viện mình, càng không thể tiến hành khai thác thành xuất bản phẩm. Do chi phí cho việc xin cấp phép hiện nay khá cao, trong thực tế, việc download thông tin trên mạng không nhiều khả năng trở thành phương thức chủ yếu để xây dựng nguồn lưu trữ thực của DL.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Li Xiaohong. Bảo hộ quyền trước tác trong môi trường mạng, Công nghệ thông tin thư viện hiện đại, 1999 (4)
- Yang Haiping. Nghiên cứu về E-BOOK, Tạp chí Thư viện học Trung Quốc, 2001 (4)
- Wang Wenhua. Thư viện số và vấn đề bảo hộ bản quyền, Công nghệ thông tin thư viện hiện đại, 2000 (3).
- <http://www.digilib.sh.cn/dl/td/fl/jt.htm>
- Zhang Dongmei. Tiêu chuẩn nhà nước có tính khuyến nghị, có bỏ ra lao động mang tính sáng tạo cần được Luật về quyền trước tác bảo hộ, Báo Quyền sở hữu tri thức Trung Quốc, 25/ 12/ 2003 (4)
- Cục Bản quyền Nhà nước. Phúc đáp Tòa án Nhân dân Tối cao về tranh chấp quyền trước tác tiêu chuẩn. <http://www.ncac.gov.cn>
- Bản sửa đổi Luật về quyền trước tác của Hàn Quốc có hiệu lực. Quyền trước tác, 2001 (2)
- Thành lập Liên minh Bảo hộ bản quyền số và sách điện tử Trung Quốc. <http://www.cnbook.com/cn/einfo/yjdongtai/a2.htm>
- Tập đoàn xuất bản Liaoning tung ra “cuốn sách điện tử khái niệm” đầu tiên của Trung Quốc. <http://www.cReader.com>
- Thị trường sách Trung văn rộng lớn 2 bờ eo biển Đài Loan. <http://cnbook.com.cn/einfo/guandian/b4.htm>
- Wang Jing. Về sự phát triển của công tác nghe nhìn tại thư viện các trường cao đẳng. Tạp chí Thư viện, 2000 (6)
- Zhang Yongsu. Nhà thông tin điện tử ở nông thôn. Tạp chí Thư viện, 2002 (1)
- Wei Zhi. Đánh giá “Chỉ thị về quyền cho thuê của Cộng đồng châu Âu”, Luật học hiện đại, 1999 (5)
- Li Guoxin. Nghiên cứu hệ thống pháp luật thư viện Nhật Bản. Bắc Kinh, Nxb Thư viện Bắc Kinh, 2000
- Sun Bingliang. Những hiểu biết về thư viện Tây Âu, Tạp chí Thư viện, 1995 (1)
- Vụ án đặc biệt lớn về quyền trước tác: tuyên bồi thường 530.000. <http://www.chinawriter.org/zjgy/alxz2003052301.asp>
- Guan Jisuo. Về việc tạo nguồn trong thời kỳ quá độ từ thư viện truyền thống sang thư viện số. Tạp chí Thư viện học Trung Quốc, 2001 (2)
- He Lingyong, Xiao Zili. Từ xây dựng nguồn tư liệu đến tích lũy thông tin tri thức. *Công tác thông tin tư liệu*, 2000 (4)
- Luo Zichu. ý nghĩa, nội dung và phương thức tham gia phát triển thị trường xuất bản phẩm điện tử bởi các cơ quan thông tin thư viện Trung Quốc, *Tạp chí Thư viện học Trung Quốc*, 2002 (3).
- Zhou Yonghong, Chen Nenghua. Phân tích hiện trạng việc cùng xây dựng, cùng chia sẻ nguồn thông tin trong các trường cao đẳng Trung Quốc, *Tạp chí Thư viện học Trung Quốc*, 2004 (1).